

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 14-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp
đồng xây dựng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phú

Bà Phan Thị Khánh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2023/TLST-DS ngày 19/10/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2024/QĐXXST-DS ngày 21/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2024/QĐST-DS ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Đ.

Địa chỉ: Hẻm A Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Hẻm C B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2023).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoài T, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: L khu tập thể Đ Sông T, tổ F, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ làm việc: Số B H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ ĐKTT: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ chỗ ở: Số B đường P, tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/7/2023, ngày 05/10/2023, ngày 14/5/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh K trình bày:

Sau khi thống nhất thỏa thuận, ngày 25/7/2022 ông Lê Hoài T và Công ty TNHH MTV Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) ký kết Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn về việc thi công trọn gói công trình nhà ở gia đình (nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 115,75m²), địa điểm xây dựng tại thửa đất của hai vợ chồng ông T, bà N thuộc xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi với giá trị công trình được tính trọn gói theo thỏa thuận chi tiết kèm theo (bao gồm cả vật tư) là 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*); thời gian thực hiện công việc 03 tháng kể từ ngày 25/7/2022 (ngoại trừ những yêu cầu khác của ông T làm thay đổi tiến độ xây dựng).

Tại khoản 2 Điều 4 Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn, việc thanh toán theo như hai bên thỏa thuận ban đầu được chia làm 3 đợt gồm: Đợt 1: 160.000.000 đồng; đợt 2: 160.000.000 đồng và Quyết toán: 165.000.000 đồng; Còn 15.000.000 đồng giữ lại để bảo hành công trình 12 tháng. Tuy nhiên, đến thời điểm ký kết hợp đồng chính thức thì theo đề nghị của ông T, hai bên thống nhất điều chỉnh lại số tiền thanh toán từng đợt bằng số (không sửa lại số tiền ghi bằng chữ) nhưng tổng giá trị hợp đồng cộng lại vẫn bằng giá trị đã thỏa thuận trước đó là 500.000.000 đồng. Theo đó, hai bên đã sửa trực tiếp vào hợp đồng thể hiện nội dung giảm số tiền tạm ứng đợt 1 (còn 100.000.000 đồng), tăng số tiền thanh toán ở đợt 2 (thành 200.000.000 đồng), đợt 3 (thành 185.000.000 đồng).

Ngay sau khi Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn được ký, Công ty Đ đã thuê nhân công khẩn trương triển khai thi công ngôi nhà cho vợ chồng ông T, bà N tại thửa đất số 565, tờ bản đồ số 01, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đúng theo yêu cầu của ông T, bà N. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do phát sinh thêm chi phí nên Công ty Đ và ông T đã thống nhất thỏa thuận bằng miệng (sau này được hai bên xác nhận tại Biên bản xác nhận đề ngày 01/6/2023 giữa ông Nguyễn Văn L – Chủ sở hữu đồng thời là Giám đốc Công ty Đ và ông Lê Hoài T) chi phí phát sinh là 57.565.100 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm đồng*). Như vậy, tổng giá trị công trình được tính trọn gói (bao gồm phần phát sinh) là 557.565.100 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm đồng*). Theo đó, thời gian bàn giao công trình cũng được hai bên thống nhất gia hạn để Công ty Đ hoàn thành khối lượng công trình phát sinh. Với sự tích cực khẩn trương hoàn thành để bàn giao công trình, đến ngày 08/11/2022 Công ty Đ đã bàn giao

nhà cho vợ chồng ông T, bà N; ông T đã xác nhận ngôi nhà hoàn thành đạt chất lượng và đúng theo yêu cầu chủ nhà.

Tính đến thời điểm Công ty Đ thi công hoàn thành căn nhà vào tháng 11/2022, vợ chồng ông T, bà N vẫn chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty Đ theo như thỏa thuận. Sau nhiều lần trả tiền thì đến thời điểm hiện tại, số tiền ông T, bà N còn nợ Công ty Đ là 120.000.000 đồng (Theo Biên bản xác nhận đề ngày 01/6/2023 giữa ông Nguyễn Văn L – Chủ sở hữu đồng thời là Giám đốc Công ty Đ và ông Lê Hoài T). Lý do đã bàn giao nhà ở từ ngày 08/11/2022 nhưng đến ngày 01/6/2023 mới có biên bản xác nhận nợ còn lại là 120.000.000 đồng là bởi vì trong khoảng thời gian này, vợ chồng ông T, bà N có trả tiền.

Nay Công ty TNHH MTV Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền nợ xây dựng nhà là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

* Tại đơn trình bày ngày 21/12/2023, Biên bản hòa giải ngày 13/6/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Hoài T trình bày:

Ngày 25/7/2022 giữa nguyên đơn với ông có ký kết Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn về việc thi công trọn gói công trình nhà ở gia đình (nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 115,75m²), địa điểm xây dựng tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Ngôi nhà nêu trên là tài sản chung giữa ông với bà Lê Thị Ánh N vì tại thời điểm xây dựng ngôi nhà ông với bà N vẫn còn là vợ chồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty TNHH MTV Đ đã xây dựng xong công trình; quá trình xây dựng công trình thì ông với bà N có cùng thanh toán từng đợt theo hợp đồng cho Công ty TNHH MTV Đ; đến nay bà N còn nợ lại Công ty TNHH MTV Đ với số tiền 120.000.000 đồng chứ không liên quan gì đến ông.

Nay Công ty TNHH MTV Đ yêu cầu ông với bà Lê Thị Ánh N phải liên đới cùng thanh toán số tiền xây dựng nhà cấp 4 là 120.000.000 đồng. Ông không đồng ý vì tại thời điểm tháng 10/2022 giữa ông với ông L có thống nhất ông với bà N còn nợ Công ty TNHH MTV Đ số tiền xây dựng nhà cấp 4 là 240.000.000 đồng. Đến hết ngày 20/01/2023 ông đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 120.000.000 đồng; tiền trên là tiền của cá nhân ông. Nên số tiền nợ còn lại 120.000.000 đồng là tiền nợ cá nhân bà Lê Thị Ánh N, được thể hiện tại văn bản xác nhận ngày 15/3/2023, văn bản xác nhận bà N nợ (Bản công chứng số 1979; quyền số 01/SCT/BS của công chứng viên Nguyễn Thị Thùy L1 và giấy xác nhận bà N nợ ông L ngày 22/01/2023).

* Tại bản tự khai ngày 03/6/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Lê Hoài T là vợ chồng, có làm nhà chung, theo đó ông Lê Hoài T ký kết hợp đồng với Công ty Đ để xây nhà cho vợ chồng, sau khi xây dựng xong vợ chồng còn nợ tiền xây dựng của Công ty Đ tính đến thời điểm hiện tại là trên 100 triệu đồng. Nay Công ty Đ yêu cầu bà với ông T phải có nghĩa vụ

liên đới thanh toán số tiền 120.000.000 đồng. Bà có ý kiến: Bà và ông T đã thỏa thuận là tiền nợ Công ty Đ bà là người trả nhưng cho bà thời gian bán được nhà.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng sơ thẩm đối với vụ án dân sự theo trình tự thời gian, xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu, việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 140, 146 của Luật Xây dựng; tiến hành biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và gửi đến Viện kiểm sát cùng cấp với các thủ tục tố tụng khác do Tòa án tiến hành đều đảm bảo đúng quy định của BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

+ Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh N chưa chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án dân sự.

Căn cứ Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 95, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 275, 280, 370, 385, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 138, 139, khoản 2 Điều 140, 141, 144, khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ.

- Buộc ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới trả nợ khoản tiền thi công công trình nhà ở cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 120.000.000 đồng.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH MTV Đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000853 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh N vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Công ty TNHH MTV Đ yêu cầu ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty Đ số tiền nợ xây dựng nhà ở là 120.000.000 đồng, nhận thấy:

Khi giao kết Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/Linh A về việc thi công trọn gói công trình nhà ở gia đình ngày 25/7/2022 các bên đều tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung, mục đích, hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái với quy định của pháp luật và đúng với quy định tại Điều 138, 139, 140, 141, 144 của Luật Xây dựng năm 2014, nên Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/Linh A về việc thi công trọn gói công trình nhà ở gia đình ngày 25/7/2022 giữa Công ty TNHH MTV Đ và ông Lê Hoài T là hợp pháp, có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty Đ cung cấp, thì ông Lê Hoài T vào ngày 25/7/2022 có ký với Công ty Đ Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn về việc thi công trọn gói công trình nhà ở gia đình (nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 115,75m²), địa điểm xây dựng tại thửa đất số 565, tờ bản đồ số 01, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi với giá trị công trình được tính trọn gói theo thỏa thuận chi tiết kèm theo (bao gồm cả vật tư) là 500.000.000 đồng; thời gian thực hiện công việc 03 tháng kể từ ngày 25/7/2022.

Tại khoản 2 Điều 4 Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn, việc thanh toán theo như hai bên thỏa thuận ban đầu được chia làm 3 đợt gồm: Đợt 1: 160.000.000 đồng; đợt 2: 160.000.000 đồng và Quyết toán: 165.000.000 đồng; Còn 15.000.000 đồng giữ lại để bảo hành công trình 12 tháng. Tuy nhiên, đến thời điểm ký kết hợp đồng chính thức thì theo đề nghị của ông T, hai bên thống nhất điều chỉnh lại số tiền thanh toán từng đợt nhưng tổng giá trị hợp đồng cộng lại vẫn bằng giá trị đã thỏa thuận trước đó là 500.000.000 đồng. Công ty Đ đã thuê nhân công khẩn trương triển khai thi công ngôi nhà cho vợ chồng ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do phát sinh thêm chi phí nên Công ty Đ và ông T đã thống nhất thỏa thuận chi phí phát sinh là 57.565.100 đồng. Như vậy, tổng giá trị công trình được tính trọn gói là 557.565.100 đồng. Ngày 08/11/2022 Công ty Đ đã bàn giao nhà cho ông T, bà N; ông T đã xác nhận ngôi nhà hoàn thành đạt chất lượng và đúng theo yêu cầu nhưng ông T, bà N chưa thanh toán đủ tiền thi công cho Công ty Đ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng. Đến thời điểm hiện tại, số tiền ông T, bà N còn nợ Công ty Đ là 120.000.000 đồng (Theo Biên bản xác nhận đề

ngày 01/6/2023). Ông T, bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ tiền thi công ngôi nhà cho Công ty Đ.

Căn cứ Biên bản xác nhận đề ngày 01/6/2023 giữa ông Nguyễn Văn L – Chủ sở hữu đồng thời là Giám đốc Công ty Đ với ông Lê Hoài T; khoản 2 Điều 4 Hợp đồng số 11/2022/HĐKT/LinhAn ngày 25/7/2022; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Công ty Đ yêu cầu ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền thi công xây dựng nhà ở 120.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Hoài T trình bày: Ông không đồng ý ông cùng bà N liên đới thanh toán cho Công ty Đ 120.000.000 đồng, vì tại thời điểm tháng 10/2022 giữa ông với ông L có thống nhất ông với bà N còn nợ Công ty TNHH MTV Đ số tiền xây dựng nhà cấp 4 là 240.000.000 đồng. Đến hết ngày 20/01/2023 ông đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 120.000.000 đồng; tiền trên là tiền của cá nhân ông. Nên số tiền nợ còn lại 120.000.000 đồng là tiền nợ cá nhân bà Lê Thị Ánh N, được thể hiện tại văn bản xác nhận ngày 15/3/2023, văn bản xác nhận bà N nợ (Bản công chứng số 1979; quyển số 01/SCT/BS của công chứng viên Nguyễn Thị Thùy L1 và giấy xác nhận bà N nợ ông L ngày 22/01/2023) và bà Lê Thị Ánh N trình bày: Bà và ông T đã thỏa thuận là tiền nợ Công ty Đ, bà là người trả, nhưng Công ty Đ không đồng ý một mình bà N thanh toán khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến, yêu cầu của ông T và bà N là phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N phải thanh toán tiền thi công nhà cho nguyên đơn. Do đó ông T, bà N phải chịu 6.000.000 đồng, mỗi người ông T, bà N phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng cho Công ty Đ.

[4] Ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 95, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 275, 280, 288, 370, 385, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 138, 139, 140, 141, 144, khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 20 Điều 3, 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ.

Buộc ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản tiền thi công công trình nhà ở cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N phải chịu 6.000.000 đồng, mỗi người ông Lê Hoài T, bà Lê Thị Ánh N phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho Công ty TNHH MTV Đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000853 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trà Thanh Tùng